

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 02-02-2021

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương  
tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 356/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25-01-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu dân cư H, phường HS, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Khu dân cư C, phường D, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

( Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2007, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Tân vào ngày 16-8-2011. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu làm ăn, chơi bời, rượu chè về đánh đập, chửi

bới vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, không còn hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2017. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh T cũng vài lần đến tìm gặp chị để nói chuyện về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh T không đồng ý ly hôn chị cũng không rút đơn về đoàn tụ được. Vì chị xác định mâu thuẫn đã kéo dài không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Hoàng H, sinh ngày 19-4-2009. Kể từ khi anh chị ly thân cháu H ở cùng với anh T. Kể từ tháng 10-2020 cháu về ở cùng với chị. Nay vợ chồng anh chị ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T pH cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Tân vào ngày 16-8-2011 nhưng thực tế anh chị đã chung sống như vợ chồng từ tháng 11 năm 2007. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Kể từ khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vài lần anh đến tìm gặp để nói chuyện vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không nghe. Nay chị N xin ly hôn anh muốn chị suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con cái thiếu tình cảm của cha mẹ. Nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn là quyền của chị ấy tự quyết định.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Hoàng H, sinh ngày 19-4-2009. Kể từ khi anh chị ly thân cháu H ở cùng với anh. Kể từ tháng 10-2020 cháu về ở cùng với chị N. Nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên sau đó anh đồng ý giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng. Vì anh tôn trọng nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án, không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Giao con chung là Đoàn Hoàng H, sinh ngày 19-4-2009 cho chị Hoàng Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 01-2021 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị N và anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Đoàn Văn T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Anh T đã nhiều lần khuyên giải chị N về đoàn tụ nhưng chị không nghe. Mặt khác anh T cũng nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không có hạnh phúc. Mặc dù anh không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến. Điều đó càng chứng tỏ anh không có ý thức mong muốn đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Hoàng H, sinh ngày 19-4-2009. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị N. Cháu H có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng với mẹ. Chị N có nguyện vọng nuôi con và anh T đồng ý. Xét nguyện vọng của các bên về giao nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên tiếp tục giao cháu Đoàn Hoàng H cho chị N được nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Hoàng H, sinh ngày 19-4-2009 cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003981 ngày 19-11-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Dương sự;
- UBND phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh H Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nguyệt**